

Bản án số: 06/2022/DSPT
Ngày: 20/01/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2021/TLPT-KDTM ngày 11/10/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2021/KDTM-ST ngày 19/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐ-PT ngày 07/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng VPBank.

Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố HN; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt).

2. Anh Lê Quang T, sinh năm 1995 (có mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 34 đường L, thành phố BN, tỉnh BN (theo văn bản ủy quyền số 241/2021/UQ-LCC-KHCN2 ngày 24/01/2021).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973 (có mặt).

Anh Lương Quốc C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Đều trú tại: Khu PS, phường VN, thành phố BN, tỉnh BN.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn T1 bày: Anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 vay của Ngân hàng VPBANK (VPBank) tổng số tiền 300.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1317900220 ngày 28/6/2013 và khế ước nhận nợ ngày 08/3/2014; thời hạn vay 06 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,9%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn với biên độ 4,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8 tại khu Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố BN, tỉnh BN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số M 373936 cấp ngày 29/12/1998. C tiết tại Hợp đồng thế chấp số 992/TC ngày 15/6/2012.

Quá T1 thực hiện hợp đồng, anh C và chị T1 đã thanh toán được số tiền gốc là 38.214.620đ; tiền lãi và phạt chậm trả lãi là 48.231.732đ, tổng cộng là 86.446.352đ. Do anh C, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số tiền còn nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 08/9/2014 với mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. VPBank đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng anh C, chị T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ. Tính đến ngày 19/8/2021 dư nợ khoản vay trên là 568.882.934đ, trong đó nợ gốc là 261.785.380đ, lãi trong hạn là 2.778.933đ, lãi quá hạn là 304.318.621đ. Khoản tiền phạt lãi chậm trả Ngân hàng không yêu cầu anh C, chị T1 phải trả.

Sau đó VPBank đã nhiều lần yêu cầu anh C, chị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh chị không trả. Nay VPBank đề nghị Tòa án buộc anh C, chị T1 phải trả cho VPBank tổng số tiền là 568.882.934đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/8/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Trường hợp anh C, chị T1 không trả thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ khu Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố BN.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T1 T1 bày: Năm 2013, anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 có vay của Ngân hàng VPBANK số tiền 300.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số LD1317900220 ký ngày 28/6/2013. Để đảm bảo cho khoản

vay trên vợ chồng anh chị đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ khu PS, phường VN, thành phố BN mang tên anh chị theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 992/TC ngày 15/6/2012. Quá T1 thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh chị mới trả được một phần, số tiền gốc còn nợ khoảng hơn 200.000.000đ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Ngân hàng miễn cho vợ chồng anh chị toàn bộ tiền lãi để vợ chồng anh C có điều kiện trả Ngân hàng số nợ gốc trong thời gian sớm nhất.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 26, 30, 35, 39, 147, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 292, 293, 295, 299, 317, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 3, Điều 188 Luật Đất đai 2013, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBANK.

2. Buộc anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VPBANK số tiền gốc 261.785.380đ; lãi trong hạn 2.778.933đ; lãi quá hạn 304.318.621đ (tính đến hết ngày 19/8/2021). Tổng cộng là 568.882.934đ

Kể từ ngày 20/8/2021 anh C, chị T1 không trả được cho Ngân hàng thì anh C, chị T1 phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng VPBANK thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm: Thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8 có diện tích 70m² và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ công T1 xây dựng trên đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 992/TC ngày 15/6/2012.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, C phí thẩm định, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2021, chị Nguyễn Thị T1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn chị Nguyễn Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm cho bị đơn số tiền lãi.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc

thẩm bị đơn có kháng cáo không xuất T1 được chứng cứ mới nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Chị T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1 nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 vay của Ngân hàng VPBANK tổng số tiền 300.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1317900220 ngày 28/6/2013 và khế ước nhận nợ ngày 08/3/2014; thời hạn vay 06 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12,9%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/lần, mức điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn với biên độ 4,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh quá hạn.

Quá T1 thực hiện hợp đồng, anh C và chị T1 đã thanh toán được số tiền gốc là 38.214.620đ; tiền lãi và phạt chậm trả lãi là 48.231.732đ, tổng cộng là 86.446.352đ. Tính đến ngày 19/8/2021 dư nợ khoản vay trên là 568.882.934đ, trong đó số tiền gốc còn nợ là 261.785.380đ, nợ lãi trong hạn là 2.778.933; nợ lãi quá hạn là 304.318.621đ.

Ngân hàng VPBANK khởi kiện đề nghị Tòa án xét xử buộc anh C, chị T1 phải trả cho VPBank tổng số tiền là 568.882.934đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 20/8/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2021 chị Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số LD1317900220 ngày 28/6/2013 và khế ước nhận nợ ngày 08/3/2014 được ký kết giữa Ngân hàng VPBANK với vợ chồng anh Lương Quốc C, chị Nguyễn Thị T1 và nhận định anh C và chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh C, chị T1 phải trả Ngân hàng VPBANK số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là có căn cứ.

Đối với hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 992/TC ngày 15/6/2012 giữa vợ chồng anh C, chị T1 và

Ngân hàng VPBANK được lập thành văn bản, có công chứng tại Phòng công chứng số 1 BN và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố BN, tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng nên có hiệu lực pháp luật, là cơ sở xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo quy định tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng, văn bản tín dụng giữa Ngân hàng và bên thế chấp trong khoảng thời gian 60 tháng kể từ ngày 15/6/2012 đến ngày 15/6/2017. Do Hợp đồng tín dụng số LD 1317900220 được các bên ký kết ngày 28/6/2013 nên nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này là đối tượng bảo đảm của Hợp đồng thế chấp số 992/TC. Việc chị T1 cho rằng Hợp đồng thế chấp số 992/TC là để đảm bảo cho các khoản vay trước đó chứ không phải khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD 1317900220 ngày 28/6/2013 là không có cơ sở. Do đó, bản án sơ thẩm tuyên trường hợp anh C và chị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 992/TC ngày 15/6/2012 là có căn cứ pháp luật.

Như vậy, chị Nguyễn Thị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm nên không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 26, 30, 35, 39, 147, 148, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280; 292; 293, 295, 299, 317, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

..... 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBANK.

Buộc anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng VPBANK số tiền gốc 261.785.380đ; lãi trong hạn 2.778.933đ; lãi quá hạn 304.318.621đ (tính đến hết ngày là 19/8/2021). Tổng cộng là 568.882.934đ (Năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm tám hai nghìn chín trăm ba tư đồng).

Kể từ ngày 20/8/2021 anh C, chị T1 không trả được cho Ngân hàng thì anh C, chị T1 phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 không trả được nợ cho Ngân hàng VPBANK thì Ngân hàng VPBANK có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm thửa đất số 146, tờ bản đồ số 8 có diện tích 70m² và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ công T1 xây dựng trên

đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 992/TC ngày 15/6/2012.

2. Về C phí xem xét thẩm định: Ngân hàng VPBANK tự nguyện chịu 6.000.000đ C phí xem xét thẩm định. Xác nhận Ngân hàng VPBANK đã nộp số tiền trên.

3. Về án phí: Anh Lương Quốc C và chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 26.755.317đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng VPBANK 14.509.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000833 ngày 27/01/2021 của C cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 2.000.000đ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Xác nhận chị T1 đã nộp 2.000.000đ theo biên lai thu số 0001097 của C cục thi hành án dân sự thành phố BN.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BN;
- TANDTP BN;
- C cục THADS TP BN;
- Đường sự;
- Lưu HS.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tính